

Mã hiệu: C2-02a/NS
Số: 46

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số: 46 Ngày 01 tháng 07 năm 2024)

11

CN Bình Tây TP.HCM

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương, phụ cấp Tháng 7 năm 2024

Trong đó														
STT	HỌ VÀ TÊN	Tài khoản ngân hàng	Tên ngân hàng	Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương	Lương và phụ cấp theo lương					Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền khoản		Ghi chú
						Lương, PCCV, PCVK	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp thâm niên nghề		Khoản diện thoại	Khoản công tác phí	
(1)	(2)			(4)	(5)						(6)	(10)		(12)
	Tổng số			513.888,179	481.313,779	323.276,148	468.000	119.139,930	468.000	37.961,701	31.074,400	1.000.000	500.000	
I	Đối với công chức, viên chức			482.813,779	481.313,779	323.276,148	468.000	119.139,930	468.000	37.961,701	0	1.000.000	500.000	
1	Chu Thị Hương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		19.155,945	18.855,945	11.560,536	4.520,880	2.774,529	300.000					
2	Đặng Thị Tuyết Mai	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		19.875,768	19.675,768	12.063,168	4.717,440	2.895,160	200.000					
3	Nguyễn Thị Thuỳ	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		18.714,352	18.514,352	11.351,106	4.438,980	2.724,266	200.000					
4	Phan Thị Kim Chi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		17.940,487	17.940,487	10.932,246	4.275,180	2.733,061						
5	Trần Kim Gia Bách	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		13.203,427	13.203,427	8.796,060	3.439,800	967,567						
6	Nguyễn Thị Kim Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		12.134,578	12.134,578	8.083,998	3.161,340	889,240						
7	Nguyễn Thị Thanh Thuỳ	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM		10.538,171	10.538,171	6.974,019	2.727,270	836,882						

8	Nguyễn Thị Phương Oanh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.525.329	9.525.329	6.345.729	2.481.570			698.030				
9	Ngô Hoàng Thị Mỹ Tú	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	18.670.890	18.670.890	10.848.474	4.242.420			3.579.996				
10	Nguyễn Thị Cẩm Vân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	14.842.762	14.842.762	9.508.122	3.718.260			1.616.380				
11	Nguyễn Vũ Minh Hoàng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	11.202.741	11.202.741	7.413.822	2.899.260			889.659				
12	Dương Thị Mỹ Tiên	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.242.532	9.242.532	6.282.900	2.457.000			502.632				
13	Hà Hoàng Thu Trâm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
14	Nguyễn Thu Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
15	Nguyễn Thị Ngọc Hân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.791.683	9.791.683	6.701.760	2.620.800			469.123				
16	Lê Trần Nguyễn Ngọc Châu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
17	Huỳnh Khánh Thy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
19	Lưu Lê Thu Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
20	Ngô Thị Phương Hằng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.322.931	8.322.931	5.696.496	2.227.680			398.755				
21	Nguyễn Hải Sơn	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
22	Võ Đăng Khoa	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
23	Võ Hoài Phương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900	2.457.000			439.803				
24	Trương Thành Phát	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.858.701	9.858.701	6.701.760	2.620.800			536.141				
25	Phan Phương Trúc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	2.186.730	2.186.730	0	2.186.730			0				Thái sản
26	Đoàn Thị Thơm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781	2.186.730			391.425				
27	Nguyễn Thị Diễm My	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781	2.186.730			391.425				
28	Đặng Thị Quỳnh Hương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781	2.186.730			391.425				

29	Nguyễn Hoàng Khiêm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781		2.186.730		391.425					
30	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.337.689	8.337.689	5.591.781		2.186.730		559.178					
31	Trần Kiều Trang	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	7.111.162	7.111.162	4.900.662		1.916.460		294.040					
32	Trần Thị Phương Nhi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.114.017	8.114.017	5.591.781		2.186.730		335.506					
33	Đỗ Thanh Trần Châu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	7.111.162	7.111.162	4.900.662		1.916.460		294.040					
34	Quan Ái Thu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.169.936	8.169.936	5.591.781		2.186.730		391.425					
35	Trần Nữ Kim Huệ	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	7.111.162	7.111.162	4.900.662		1.916.460		294.040					
36	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	7.111.162	7.111.162	4.900.662		1.916.460		294.040					Tăng PC TNNG
37	Thái Thị Thanh Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	5.619.978	5.619.978	5.151.978	468.000	0		0					
38	Đinh Thị Hồng Linh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	7.062.155	7.062.155	4.900.662		1.916.460		245.033					
39	Nguyễn Thị Ngọc Phương	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	18.982.922	18.982.922	11.225.448		4.389.840		3.367.634					
40	Nguyễn Thanh Phương Quỳ	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	6.817.122	6.817.122	4.900.662		1.916.460		0					
41	Trần Huyền Trang	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	5.985.978	5.385.978	5.151.978		0	234.000	0					Thái sản tăng lại
42	Nguyễn Thị Kim Ngân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	10.398.691	10.398.691	6.974.019		2.727.270		697.402					
43	Mai Lê Kiều Khanh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	8.058.100	8.058.100	5.591.781		2.186.730		279.589					
44	Hà Thái Hùng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	4.314.258	4.314.258	4.314.258		0		0					
45	Phạm Thanh Minh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	15.981.468	15.981.468	9.738.495		3.808.350		2.434.623					
46	Lê Thị Thủy Trang	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.179.703	9.179.703	6.282.900		2.457.000		439.803					
47	Dương Thị Linh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	6.817.122	6.817.122	4.900.662		1.916.460		0					
48	Đỗ Kim Hoa	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	6.130.496	5.930.496	5.696.496		0	234.000	0				200.000	
49	Nguyễn Hồng Thắm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	3.895.398	3.895.398	3.895.398		0		0					

[illegible]

Mẫu số 09
Mã hiệu: C2-02a/NS
Số: 12NS- 07

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số : 12NS- 07 Ngày 01 tháng 07 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LUÔNG**
2. Mã đơn vị: **1122108**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 060300955552 NH TMCP Sài Gòn Thương Ti
Bình Tây TP.HCM

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Hỗ trợ nhân viên y tế tháng 7 năm 2024

STT	HỌ VÀ TÊN	Tài khoản ngân hàng	Tổng số	Trong đó	Ghi chú
		Tên ngân hàng		Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	
(1)	(2)		(4)	(9)	(12)
	Tổng số		450.000	450.000	
I	Đối với công chức, viên chức		450.000	450.000	
1	Nguyễn Hồng Thắm	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	450.000	450.000	
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				

Tổng số tiền bằng chữ: **Bốn trăm năm mươi ngàn đồng.**

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng 06/2024: Không thay đổi

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 01 tháng 07 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Đỗ Kim Hoa

Đỗ Kim Hoa

Chu Thị Hương



Mẫu số 09
Mã hiệu: C2-02a/NS
Số: 12NS-08

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ Ủy nhiệm chi số : 12NS-08 Ngày 04 tháng 07 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LƯƠNG**
2. Mã đơn vị: **1122108**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 060300955552 NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP.HCM

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền làm thêm giờ, phụ trội năm học 2023-2024

STT	 HỌ VÀ TÊN	Tài khoản ngân hàng	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
		Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền khoản	
						Khoản điện thoại	
						10.1	
(1)	(2)		(4)	(5)	(6)	(10)	(12)
	Tổng số		83.638.499	83.638.499	0	0	
I	Đối với công chức, viên chức		83.638.499	83.638.499	0	0	
1	Nguyễn Thu Thủy	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.154.050	1.154.050			
2	Phan Thị Kim Chi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	10.314.378	10.314.378			
3	Nguyễn Thị Kim Ngân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.831.284	1.831.284			
4	Đinh Thị Hồng Linh	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	941.358	941.358			
5	Nguyễn Thị Cẩm Vân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	9.908.085	9.908.085			
6	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.597.464	1.597.464			
7	Lê Trần Nguyễn Ngọc Châu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	2.115.757	2.115.757			
8	Trần Thị Phượng Nhi	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.427.818	1.427.818			
9	Nguyễn Thị Ngọc Hân	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	17.172.192	17.172.192			
10	Nguyễn Thị Kim Ngọc	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	7.633.500	7.633.500			
11	Quan Ái Thu	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	1.226.013	1.226.013			

12	Nguyễn Thị Minh Hoàng	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Tây TP HCM	28.316.600	28.316.600			
II	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP		0				
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.						

Tổng số tiền bằng chữ: *Tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng.*

II. Phần thuyết minh thay đổi so với kỳ trước: Phát sinh mới

Ngày 04 tháng 07 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị





Đỗ Kim Hoa

Đỗ Kim Hoa

Chữ Thị Hương